BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/2014/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm: yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn; danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2; dấu định lượng; công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 1; chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng đóng gói sẵn là: Thuốc chữa bệnh; hàng hóa được ưu đãi, miễn trừ thủ tục hải quan; hàng tạm nhập tái xuất; hàng quá cảnh, chuyển khẩu; hàng gửi kho ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; vật tư thiết bị máy móc nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư; hàng hóa thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia; hàng hóa phục vụ các yêu cầu khẩn cấp; hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân (sau đây viết tắt là cơ sở) sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán hàng đóng gói sẵn.

2. Cơ quan nhà nước về đo lường và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hàng đóng gói sẵn* là hàng hóa được định lượng theo đơn vị đo khối lượng, thể tích, diện tích, chiều dài hoặc số đếm, được đóng gói và ghi định lượng trên nhãn hàng hóa mà không có sự chứng kiến của bên mua.

2. *Hàng đóng gói sẵn nhóm 1* là hàng đóng gói sẵn không thuộc Danh mục quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. *Hàng đóng gói sẵn nhóm 2* là hàng đóng gói sẵn có số lượng lớn lưu thông trên thị trường hoặc có giá trị lớn, có khả năng gây tranh chấp, khiếu kiện về đo lường giữa các bên trong mua bán, thanh toán, gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, môi trường thuộc Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

4. *Đơn vị hàng đóng gói sẵn hoặc bao hàng đóng gói sẵn* là tập hợp gồm bao bì và lượng hàng hóa chứa trong bao bì.

5. *Bao bì* là vật liệu để bao gói phía ngoài hàng đóng gói sẵn trừ những thứ thuộc về bản chất của hàng hóa.

6. *Lượng thực (Q_r)* là lượng hàng đóng gói sẵn chứa trong bao bì và được xác định bằng phương tiện đo phù hợp quy định.

7. *Đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp* là đơn vị hàng đóng gói sẵn có lượng thực (Q_r) nhỏ hơn lượng tối thiểu cho phép (Q_{min}).

8. *Lượng tối thiểu cho phép (Q_{min})* là hiệu số giữa lượng danh định (Q_n) và lượng thiếu cho phép (T).

$$Q_{min} = Q_n - T$$

Trong đó, *lượng thiếu cho phép (T)* được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

9. *Lượng danh định (Q_n)* là lượng của hàng đóng gói sẵn được ghi trên nhãn hàng hóa.

10. *Giá trị trung bình (X_{tb}) của lượng của hàng đóng gói sẵn* là giá trị quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.

11. *Lô hàng đóng gói sẵn (gọi tắt là lô)* là tập hợp các đơn vị hàng đóng gói sẵn giống nhau được sản xuất (bao gồm một hoặc các hoạt động sản xuất, sang bao hoặc chai, đóng gói), nhập khẩu, lưu thông, buôn bán với cùng một lượng danh

định, dưới những điều kiện như nhau mà từ đó hàng đóng gói sẵn được lấy ra để tiến hành đánh giá sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

12. *Cỡ lô (N)* là con số chỉ tổng số đơn vị hàng đóng gói sẵn trong lô và được xác định theo các yêu cầu sau đây:

a) Tại nơi sản xuất, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn được sản xuất trong một giờ;

b) Tại nơi nhập khẩu, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn theo từng đợt nhập hàng;

c) Tại nơi lưu thông, buôn bán, cỡ lô được tính bằng số đơn vị hàng đóng gói sẵn trên phương tiện vận chuyển, tại nơi chứa, tại nơi bán;

d) Cỡ lô không quá một trăm nghìn (100 000).

13. *Cỡ mẫu (n)* là con số chỉ số đơn vị hàng đóng gói sẵn phải lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô để đánh giá.

14. *Số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp* là con số chỉ số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp yêu cầu quy định và được xác định khi đánh giá lô hàng đóng gói sẵn.

15. *Dung môi* là chất lỏng, chất khí được chứa cùng với hàng đóng gói sẵn và được bỏ đi sau khi sử dụng hàng đóng gói sẵn đó.

16. *Lượng ráo nước* là lượng thực của hàng đóng gói sẵn trong dung môi lỏng.

17. *Cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn* là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc các hoạt động sản xuất, sang bao hoặc chai, đóng gói tại Việt Nam.

18. *Cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn* là tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu hàng đóng gói sẵn.

19. Các từ ngữ khác được hiểu theo quy định tại Điều 3 Luật Đo lường.

Chương II
YÊU CẦU KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG ĐỐI VỚI LƯỢNG CỦA HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN, DANH MỤC HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN NHÓM 2

Điều 4. Yêu cầu kỹ thuật đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

1. Yêu cầu về ghi lượng của hàng đóng gói sẵn trên nhãn hàng hóa

a) Lượng của hàng đóng gói sẵn được ghi trên nhãn hàng hóa là lượng danh định;

b) Lượng danh định (Q_n) của hàng đóng gói sẵn phải được ghi bằng cách in, gắn hoặc dán trực tiếp trên hàng đóng gói sẵn hoặc trên bao bì hoặc nhãn của hàng đóng gói sẵn;

c) Vị trí ghi lượng danh định phải dễ thấy, dễ đọc trong điều kiện trưng bày thông thường của hoạt động buôn bán;

d) Trường hợp phía trước của lượng danh định (Q_n) ghi "khối lượng tịnh:" hoặc "thể tích thực:" thì không được phép ghi "khoảng" hoặc "nhỏ nhất" như: khối lượng tịnh khoảng hoặc thể tích thực nhỏ nhất;

đ) Lượng danh định (Q_n) được ghi bằng trị số và đơn vị đo pháp định hoặc theo số đếm; giữa trị số và đơn vị đo phải cách nhau một (01) ô trống;

e) Ghi lượng danh định (Q_n) của hàng đóng gói sẵn theo đơn vị đo khối lượng hoặc thể tích được thực hiện như sau:

- Đối với hàng đóng gói sẵn là chất rắn, khí hóa lỏng, hàng đông lạnh, hàng đóng gói sẵn dạng bình phun, xịt (aerosols) hoặc có hàng hóa chứa cùng khí nén: Ghi theo đơn vị đo khối lượng;

- Đối với hàng hóa là chất lỏng: ghi theo đơn vị đo thể tích;

- Đối với hàng hóa ở dạng sệt hoặc hàng hóa khác: ghi theo đơn vị đo khối lượng hoặc thể tích;

g) Ghi đơn vị đo theo từng phạm vi của lượng danh định (Q_n) được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Chiều cao tối thiểu của chữ và số thể hiện lượng danh định (Q_n) phải đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Khi một (01) đơn vị hàng đóng gói sẵn chứa hai (02) hay nhiều bao, gói hàng đóng gói sẵn cùng loại với cùng lượng danh định có thể dùng để bán lẻ, phải ghi tổng lượng danh định của đơn vị hàng đóng gói sẵn, số lượng bao, gói và lượng danh định của một (01) bao, gói hàng đóng gói sẵn.

Ví dụ: Một (01) hộp cà phê chứa 10 gói, mỗi gói có khối lượng là 20 g, ghi lượng danh định của hộp cà phê như sau:

200 g (10 gói x 20 g)

k) Khi một (01) đơn vị hàng đóng gói sẵn chứa hai (02) hay nhiều bao, gói hàng đóng gói sẵn không cùng loại, phải ghi tên, số lượng bao hoặc gói và lượng danh định của từng loại hàng đóng gói riêng lẻ.

Ví dụ: Một (01) túi xi đánh giày chứa: hai (02) hộp xi đen, mỗi hộp có khối lượng 15 g; một (01) hộp xi nâu có khối lượng 25 g; một (01) hộp xi trắng có khối lượng 15 g, ghi lượng danh định của túi xi đánh giày nêu trên như sau:

Xi đen: 2 hộp x15 g; xi nâu: 1 hộp x 25 g; xi trắng: 1 hộp x 15 g.

Tổng số: 4 hộp (70 g).

l) Đối với hàng đóng gói sẵn chứa trong dung môi, phải ghi lượng ráo nước và ghi khối lượng tổng trên nhãn hàng hóa.

2. Yêu cầu về hình dáng, kích thước và các yêu cầu khác của bao hàng đóng gói sẵn

a) Bao hàng đóng gói sẵn không được có hình dáng, kích thước và các cấu trúc khác (như đáy phụ, vách ngăn, nắp phụ, tấm phủ phụ) gây nhầm lẫn hoặc lừa dối người mua về lượng của hàng đóng gói sẵn chứa trong bao hàng;

b) Hàng đóng gói sẵn phải điền đầy thể tích của bao bì trừ trường hợp phải có sự khác biệt giữa thể tích của bao bì với thể tích của hàng đóng gói sẵn chứa trong bao bì đó do một hoặc các nguyên nhân sau đây:

- Để bảo vệ hàng đóng gói sẵn;

- Do yêu cầu vận hành của thiết bị được dùng để bao gói hàng đóng gói sẵn;

- Do yêu cầu của việc vận chuyển hàng đóng gói sẵn;

- Do bản chất của hàng đóng gói sẵn (bao hàng đóng gói sẵn dạng bình xịt, có chứa khí nén...).

c) Trường hợp lượng của hàng đóng gói sẵn được ghi tại nhiều vị trí trên bao hàng thì tại từng vị trí việc ghi lượng của hàng đóng gói sẵn phải đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1 Điều này;

d) Thông tin về lượng hàng đóng gói sẵn bổ sung thêm hoặc miễn phí phải được ghi rõ cùng với lượng danh định (Q_n) trên nhãn, trừ trường hợp cơ sở sản xuất công bố rõ lượng bổ sung thêm hoặc miễn phí nêu trên đã bao gồm trong lượng danh định (Q_n) của hàng đóng gói sẵn.

Điều 5. Yêu cầu về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

1. Yêu cầu về giá trị trung bình X_{tb}

a) Trường hợp cỡ mẫu (n) bằng với cỡ lô (N) (n=N), giá trị trung bình (X_{tb}) của lượng thực (Q_r) của các đơn vị hàng đóng gói sẵn trong lô phải thỏa mãn yêu cầu theo biểu thức sau:

$$X_{tb} \geq Q_n$$

b) Trường hợp cỡ mẫu (n) nhỏ hơn cỡ lô (N) (n < N), giá trị trung bình (X_{tb}) phải thỏa mãn yêu cầu theo biểu thức sau:

$$X_{tb} \geq Q_n - k \cdot s$$

Trong đó: s là độ lệch bình phương trung bình của lượng thực được tính theo công thức quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

k là hệ số hiệu chỉnh được chọn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Yêu cầu về số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp

a) Trường hợp cỡ mẫu (n) bằng với cỡ lô (N) (n=N), phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Số đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp không được vượt quá 2,5 % cỡ lô;

- Không được có bất kỳ đơn vị hàng đóng gói sẵn không phù hợp nào có lượng thiếu lớn hơn hai (02) lần lượng thiếu cho phép T quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.